

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/02/2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Thanh Niêm**

2- Bà **Hà Thị Lệ Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Ông **Tôn Minh Nhật**-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp 2, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn U**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp HN, xã TYA, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 2016, chị và anh Phạm Văn U quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và chung sống vợ chồng đến ngày 06/6/2016 thì đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc cho đến tháng 8 năm 2017 âm lịch cũng vì con bệnh mà anh U tự ý bỏ nhà ra đi, chị đã nhiều lần liên lạc với anh U nhưng không được. Anh U đã về quê nhà sinh sống cho đến nay, không có trách nhiệm của người chồng, người cha lo cho gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân thực sự tan vỡ, không thể nào chung sống với nhau được nữa. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn U.

- Về con chung: Chị và anh U có 01 người con chung tên Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không tạo dựng được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh U không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn U: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Phạm Văn U biết về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T, đồng thời thông báo cho anh U biết để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh U đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh U, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Chị T xác định chị và anh U không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn U

Về con chung: Giao con tên Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2017, giới tính nam, cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị T trình bày là không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn U được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh U xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/6/2016 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh U là hợp pháp.

Chị T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh U không có trách nhiệm của người chồng, người cha lo cho gia đình, lúc con bị bệnh thì anh U tự ý bỏ nhà ra đi và về quê nhà sinh sống cho đến nay, không quan tâm đến chị và con.

Ngày 25/11/2021, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh U, chính quyền địa phương cho biết không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh U.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh U biết về yêu cầu ly hôn của chị T và thông báo cho anh U đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh U đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của chị T.

Theo biên bản xác minh tình trạng nơi cư trú của anh U ngày 25/11/2021, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Anh Phạm Văn U đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp HN, xã TYA, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh U đi ghe biển từ đầu năm đến nay, thông thường thì nửa năm hoặc một năm anh U mới trở về địa phương.

Tuy anh U không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị T, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy chị T và anh U không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, anh U cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh U kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh U có 01 người con chung tên Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với chị T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu A từ trước đến nay cháu A ở cùng với chị T và môi trường sinh sống ổn định, được chăm sóc và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh U có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh U không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị T xác định chị và anh U không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000731 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc A, sinh ngày 22/3/2017, giới tính nam, cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh U có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và anh U không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000731 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/02/2022), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Phạm Duy Tân

Hà Thị Lệ Thi

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh